

Bản án số: **62/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-9-2022

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Tài Mon

2. Ông Nguyễn Trường Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Kim P**, sinh năm 1957 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn C**, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thắng L, xã TT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/7/2022, biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Huỳnh Kim P** trình bày:*

Bà và ông Phạm Văn C chung sống với nhau năm 1980 đến nay không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng hơn 20

năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông C có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau, ông C có đánh bà nhiều lần bằng tay. Do đó, vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ năm 2017 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 04 con chung tên Phạm Thị D, sinh năm 1981; Phạm Thị L, sinh năm 1986; Phạm Hoàng K, sinh năm 1990; Phạm Kim N, sinh năm 1992.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Phạm Văn C;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn bà Huỳnh Kim P vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu về hôn nhân, về con chung, về tài sản và về nợ.

- Bị đơn ông Phạm Văn C vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Kim P trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông Phạm Văn C trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: cho bà Huỳnh Kim P ly hôn ông Phạm Văn

C; về quan hệ nuôi con chung: Hiện các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được và nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp, yêu cầu gì nên không xem xét; về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: không có tranh chấp nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn ông Phạm Văn C biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện “*ly hôn*” của nguyên đơn bà Huỳnh Kim P. Nhưng bị đơn ông C không có ý kiến gì và cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 02/8/2022 Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn bà Huỳnh Kim P. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “...*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Phạm Văn C, nhưng bị đơn ông C vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông C, nhưng bị đơn ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Kim P không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Kim P và ông Phạm Văn C sống chung với nhau từ năm 1980 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, do ông bà chung sống với nhau trước ngày 03-01-1987 (ngày Luật hôn nhân và đình năm 1986 có hiệu lực) nên theo các quy định của pháp luật hiện hành thì hiện nay mối quan hệ hôn nhân của ông bà không thuộc trường hợp bắt buộc phải đăng ký kết hôn. Do đó hiện nay hôn nhân của ông bà được xác định là hôn nhân hợp

pháp. Nay bà P khởi kiện xin ly hôn với ông C thì Tòa án xem xét giải quyết vụ án xin ly hôn theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P thấy rằng: Qua các chứng cứ thu thập được cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay xác định được, quá trình chung sống giữa bà P và ông C đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong một thời gian dài, và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà P vẫn cương quyết ly hôn với ông C. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cho đến tại phiên tòa hôm nay, ông C không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của bà Huỳnh Kim P và ông Phạm Văn C là có thật, phù hợp với lời trình bày của bà P nêu trên (bút lục số 26).

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông C không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P đối với ông C theo quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Về quan hệ nuôi con chung; về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo bà P xác định vợ chồng có 04 đứa con chung tên Phan Thị D, 40 tuổi, Phạm Thị L 36 tuổi, Phạm Hoàng K 32 tuổi, Phạm Kim N 30 tuổi. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bà P về con chung, về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để ông C biết, nhưng đến nay ông C không có ý kiến gì phản bác ý kiến của bà P và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (bà P, ông C) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Huỳnh Kim P có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà P phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Tuy nhiên, bà Huỳnh Kim P thuộc diện người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được xem xét miễn nộp toàn bộ số tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- 1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Kim P ly hôn ông Phạm Văn C.
- 2 - Về quan hệ nuôi con chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.
- 3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.
- 4 - Về án phí: Bà Huỳnh Kim P được miễn toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Nguyên đơn bà Huỳnh Kim P không nhận lại tiền tạm ứng án phí, do khi nộp đơn khởi kiện bà Huỳnh Kim P thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên trước khi thụ lý được xem xét chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/9/2022); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TT;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh

